

Bản án số: 156/2021/HC-PT

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh
Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 111/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Khiếu kiện
Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm
2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2086/2020/QĐ-PT
ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần
Đức P là Luật sư Công ty Luật TNHH Hợp Việt, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố
Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người bị kiện:

1/Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An;

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đ – Phó Chủ tịch (có
đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Hoài T1 – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C (có mặt)

- Ông Trần Võ Trí N2 – Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp L;

Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Số 246/6A6, đường X, Phường x21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Công ty Cổ phần Cảng L;

Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Số 246/6A6, đường X, Phường x21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Luật sư Lê Văn N4 – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Luật sư Đỗ Thị H1 - Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C và Chủ tịch UBND huyện C gồm: Quyết định số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 về việc điều chỉnh Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Lý do khởi kiện: Mức giá bồi thường theo Quyết định của UBND huyện

C thấp hơn so với giá thị trường nên ông không đồng ý và yêu cầu bồi thường theo giá đất hiện tại trên thị trường.

Theo văn bản số 2153/UBND-NC ngày 21/8/2019 của người bị kiện UBND huyện C và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

UBND huyện C đã ban hành hai Quyết định số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 và số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T tổng diện tích 42.186m² đất nông nghiệp cho hai dự án Khu Công nghiệp và Khu Cảng L, trình tự thủ tục thu hồi đất đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003. ông T được bồi thường số tiền 7.255.361.307 đồng và bố trí 04 lô nền tái định cư gồm lô 32, 33 khu L và lô 40, 46 khu K (theo giá ưu đãi 600.000 đồng/m²), ông T đã nhận 103.038.530 đồng, số tiền ông T chưa nhận đã được gửi vào Kho Bạc Nhà nước. UBND huyện C đã nhiều lần tiếp xúc, vận động ông T bàn giao mặt bằng và nhận tiền bồi thường nhưng ông T không đồng ý và yêu cầu mức bồi thường 2.000.000 đồng/m², mức giá này quá cao nên UBND huyện không đồng ý. Xét thấy không còn khả năng vận động thuyết phục nên Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 5268/QĐ-UBND và 5269/QĐ-UBND cùng ngày 21/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T. UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất đối với ông T là đúng trình tự theo quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu Tòa án đưa Công ty A và Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; việc đưa người tham gia tố tụng là không cần thiết vì Công ty A đã không còn quyền và nghĩa vụ liên quan trong dự án này, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp L (Công ty KCN) và Công ty Cổ phần Cảng L (Công ty Cảng) đã kế thừa các hồ sơ, tài liệu, thủ tục pháp lý của dự án Khu Công nghiệp và Khu Cảng L từ Công ty A và V theo văn bản số 3069/UBND-KT ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Long An nên hiện tại Công ty A không còn liên quan đến dự án này. Quyết định 1728/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh Long An về việc thu hồi đất tại xã Phước Vĩnh Đông và xã Tân Tập, huyện C, tỉnh Long An ban hành theo Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, không phải thu hồi đất hai lần như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty KCN và Công ty Cảng kế thừa các hồ sơ, tài liệu, thủ tục pháp lý của dự án Khu Công nghiệp và Khu Cảng L từ Công ty A và V theo văn bản số 3069/UBND-KT ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Long An. Trước khi Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5268/QĐ-UBND và 5269/QĐ-UBND cùng ngày 21/8/2018, Chủ đầu tư phối hợp cùng UBND huyện và Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C nhiều lần tổ chức tiếp xúc, vận động ông T nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư,

mặc dù Chủ đầu tư đã thêm mức hỗ trợ ngoài phương án bồi thường và bố trí tái định cư cho ông T nhưng ông T vẫn không đồng ý và yêu cầu mức bồi thường 2.000.000 đồng/m² đất nông nghiệp là quá cao so với thực tế. Việc UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông T là đúng quy định pháp luật và phù hợp với tiến độ thực hiện dự án nên các Chủ đầu tư không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đối với yêu cầu đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia vụ án của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không cần thiết vì Công ty A đã rút khỏi liên doanh đầu tư dự án Khu Cảng và Khu Công nghiệp từ năm 2009 và chuyển giao toàn bộ quyền phát triển dự án cho V và được sự chấp thuận của UBND tỉnh Long An, đến thời điểm này Công ty A không còn bất kỳ trách nhiệm nào đối với dự án Khu Công nghiệp và Khu Cảng L. Đến năm 2012, Công ty trực thuộc V tại hai dự án đã chuyển toàn bộ cổ phần cho Công ty Cổ phần Đ và các Công ty con của Công ty Cổ phần Đ nên từ thời điểm này V đã không còn bất kỳ trách nhiệm nào đối với dự án Khu Công nghiệp và Khu Cảng L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã Quyết định như sau:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 39, 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T; Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2019 người khởi kiện ông Nguyễn Văn T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

- Các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện Cần Giuộc đều căn cứ Quyết định 1728/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh Long An do đó nếu Quyết định 1728 sai thì các Quyết định thu hồi đất của huyện là sai. Nhưng bản án sơ thẩm không xem xét Quyết định 1728 là văn bản có liên quan là không xem xét toàn diện vụ án.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định đầy đủ người tham gia tố tụng là UBND tỉnh Long An, Công ty A là công ty có trong Quyết định thu hồi đất bồi thường là đơn vị trả tiền cho người thu hồi đất và Công ty V cũng là người có tên trong Quyết định thu hồi đất.

- Quyết định 1728 căn cứ Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 thu hồi toàn dự án, tỉnh thực hiện dự án thu hồi đất của dân nhưng không biết công ty chi trả là ai, UBND tỉnh đã bị nhà đầu tư gian dối nhưng lại quy cho người dân, khi không xem xét Nghị định 181/2004/NĐ-CP.

- Công ty cổ phần Cảng và công ty khu Công nghiệp L mới nhận dự án từ năm 2016. Nếu dự án không triển khai lại thì tỉnh thu hồi dự án để giao UBND huyện thu hồi nhưng UBND tỉnh vẫn cố chấp giữ Quyết định thu hồi 2007. Trong hồ sơ vụ án không có liên doanh nên không có chuyển nhượng dự án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: UBND huyện ban hành các Quyết định hành chính là đúng quy định pháp luật, thực hiện bồi thường theo phương án bồi thường, hơn 90% hộ dân đã đồng ý, chỉ còn 18 hộ chưa đồng ý. Quá trình vận động UBND huyện có đề nghị công ty hỗ trợ thêm cho ông T 1,6 tỷ nhưng ông T không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập UBND tỉnh, Công ty A, công ty V là có căn cứ. Vì theo quy định của Luật Đất đai thì UBND huyện có thẩm quyền thu hồi, bồi thường. Công ty A và công ty V xin rút khỏi dự án và sau đó có Quyết định cho liên doanh, công ty Cảng L được kế thừa công ty liên doanh trước đây. Đối với dự án khu Công nghiệp L cũng tương tự như vậy. Theo Nghị định 181/2004/NĐ-CP, UBND huyện C đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục thu hồi bồi thường. UBND tỉnh có Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá đất. Tại biên bản họp 01/8/2017 ông T có ý kiến đơn giá dự thảo cao hơn đơn giá thực tế.

Việc cưỡng chế đúng quy định pháp luật. Pháp luật đã có quy định về nguồn vốn chi trả bồi thường, kinh phí bồi thường đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Về hình thức các Quyết định của UBND huyện C được ban hành đúng quy định pháp luật. Ông T khởi kiện yêu cầu bồi thường giá thị trường là 2.000.000 đồng/m² là không có căn cứ. Năm 2017 UBND huyện đã có Quyết định điều chỉnh mức giá là có xem xét thiệt hại giá trị đất từ khi thu hồi đến bồi thường, UBND huyện bồi thường cho ông T là có xem xét quyền lợi của ông, đây là dự án kinh tế xã hội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó yêu cầu khởi kiện ông T không có căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định của UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C như sau: Các Quyết định thu hồi đất và điều chỉnh thu hồi đất 8418/QĐ-UBND ngày 09/8/2007, 2495/QĐ-UBND ngày 25/5/2008, 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007, 2823/QĐ-UBND ngày 07/6/2018; Các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất 5268/QĐ-UBND ngày 21/8/2018, 5269/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 đối với hộ Nguyễn Văn T vì cho rằng mức giá bồi thường theo Quyết định của UBND huyện C thấp hơn giá thị trường.

Người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C cho rằng các Quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của đương sự:

[3.1] Theo chủ trương triển khai thực hiện dự án Khu Công nghiệp, Khu Cảng L và Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh

Long An thu hồi đất tại xã Phước Vĩnh Đông và xã Tân Tập để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho Công ty TNHH TM -XD A.C.M sử dụng vào mục đích xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu cảng, khu du lịch và khu công nhân, UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 và số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền thu hồi đất đúng theo Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Ngày 11/8/2007 và ngày 23/8/2007, ông T đã được công bố Quyết định thu hồi đất và phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Khu Cảng và khu Công nghiệp L là thực hiện đúng theo Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

Từ năm 2007 ông T nhận được các Quyết định thu hồi đất cho đến năm 2017 ông T không có ý kiến gì đối với các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện C. Đến năm 2019 ông T yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất với lý do không đồng ý với giá bồi thường và yêu cầu đơn giá bồi thường là 2.000.000 đồng/m² đất nông nghiệp, nhưng ông T không yêu cầu Tòa án xem xét các Quyết định về bồi thường quyền sử dụng đất. Người bị kiện đã thừa nhận có một phần lỗi trong việc chậm chi trả tiền bồi thường làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên đã giữ nguyên các chính sách hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 là có lợi cho ông T.

[3.2] Các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5268/QĐ-UBND và 5269/QĐ-UBND cùng ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện C được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Đối với những nội dung mà người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày. Xét thấy, Quyết định 1728/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của UBND tỉnh Long An là Quyết định thu hồi đất tổng thể để thực hiện dự án theo quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, ông T yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện C với lý do không đồng ý với giá bồi thường nhưng ông T không yêu cầu xem xét các Quyết định bồi thường của UBND huyện C nên không cần thiết đưa UBND tỉnh tham gia tố tụng. Dự án khu Cảng và khu Công nghiệp L ban đầu được UBND tỉnh Long An giao cho Công ty H xúc tiến kêu gọi đầu tư, Công ty A làm đại diện có thẩm quyền cho Công ty H tại Việt Nam, Công ty A liên doanh cùng V thực hiện dự án. Đến năm 2009, Công ty A đã rút khỏi liên doanh thực hiện dự án thông qua việc chuyển nhượng cổ phần và toàn bộ quyền phát triển dự án cho V, thời điểm này Công ty A không còn trách nhiệm pháp lý đối với dự án. Đến năm 2010, V liên doanh với Công ty Cổ phần Đ, đến năm 2012 các Công ty trực thuộc V chuyển toàn bộ cổ phần cho các Công ty con của Công ty Cổ phần Đ và chấm dứt tư cách là nhà đầu tư của dự án Cảng và khu Công nghiệp L. Vì vậy Công ty A và V đều không còn liên quan đến hai dự án này nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T là có căn cứ. Người khởi kiện có kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 73/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 39, 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T

- Hủy Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 8414/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C

- Hủy Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T

- Hủy Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C

- Hủy Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất

- Hủy Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

II/Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000713 ngày 18/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 20b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười